

Bản án số: 124/2024/HS - ST
Ngày: 30/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Xuyên.
- Ông Thái Quang Định.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đ Duyệt - Kiểm sát viên.

Từ ngày 25/12/2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2024/TLST – HS ngày 20/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST – HS ngày 14/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐHPT – ST, ngày 25/12/2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Trần Công Đ** (tên gọi khác: không có), sinh ngày 01/8/1998, tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 18, khu 3, phường Trung V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Công V1 và bà Trịnh Thị I; vợ con chưa có; tiền án; không; tiền sự: ngày 02/7/2021 bị Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ nhưng chưa gây thiệt hại, ngày 07/11/2024 đã thi hành xong

Bị cáo bị bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2024 đến ngày 08/10/2024 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lãnh” và “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Ngô Thị Quỳnh Tr, sinh năm: 1991; địa chỉ: tổ 34, khu 9, phường Quang T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

+ Anh Đỗ Văn L, sinh năm: 1993; địa chỉ: tổ 21, khu Núi Gạc, phường Yên Th, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do biết một số người dân trên địa bàn thành phố Uông Bí có nhu cầu vay tiền lấy vốn làm ăn hoặc để giải quyết công việc cá nhân với thủ tục nhanh gọn không cần giấy tờ hoặc tài sản thế chấp, Trần Công Đ đã nảy sinh và thực hiện hành vi cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính theo từng tháng. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2022 Đ đã cho nhiều người vay tiền lãi suất cao, với mức từ 108% đến 144%/ năm (gấp 5,4 đến 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Hình thức chuyển tiền vay và thu lãi theo tháng, Đ sử dụng tài khoản số 9966668388888, Ngân hàng MBBank mang tên Trần Công Đ giao dịch với người vay. Trong thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2024 Đ đã cho chị Ngô Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 15/6/1981, trú tại tổ 34, khu 9, phường Quang Trung và anh Đỗ Văn L, sinh năm 1993, trú tại tổ 21, khu Núi Gạc, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí vay với tổng số tiền 130.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Chị Ngô Thị Quỳnh Tr vay của Đ 03 lần đều với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương với lãi suất 144%/năm, bằng 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự).

+ Lần 1: ngày 08/02/2023, chị Tr vay của Đ 10.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, hàng tháng chị Tr đóng cho Đ số tiền lãi là 1.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị Tr đã trả cho Đ 12 tháng là 14.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định là 2.000.000 đồng. Số tiền lãi Đ thu lợi bất chính là 12.400.000 đồng.

+ Lần 2: ngày 27/6/2023, chị Tr vay của Đ 20.000.000 đồng, thời hạn 09 tháng, hàng tháng chị Tr đóng cho Đ số tiền lãi là 2.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị Tr đã trả cho Đ 09 tháng là 21.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định là 3.000.000 đồng. Số tiền lãi Đ thu lợi bất chính là 18.600.000 đồng.

+ Lần 3: ngày 09/10/2023, chị Tr tiếp tục vay của Đ 20.000.000 đồng thời hạn 06 tháng, hàng tháng chị Tr đóng cho Đ số tiền lãi là 2.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi chị Tr đã trả cho Đ 06 tháng là 14.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định là 2.000.000 đồng. Số tiền lãi Đ thu lợi bất chính là 12.400.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của chị Tr trong 03 khoản cho vay trên là 50.400.000 đồng, trong đó lãi suất Đ được phép thu theo quy định là 7.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 43.400.000 đồng, toàn bộ số tiền vay gốc chị Tr chưa trả Đ.

2. Anh Đỗ Văn L vay của Đ 03 lần đều với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương với lãi suất 108%/năm, bằng 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự):

+ Lần 1: ngày 10/10/2022, anh L vay của Đ số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn 15 tháng, hàng tháng anh L đóng cho Đ số tiền lãi 2.700.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh L đã trả cho Đ 15 tháng là 40.500.000 đồng (đã trả tiền gốc). Tổng số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định là 7.500.000 đồng. Số tiền lãi Đ thu lợi bất chính là 33.000.000 đồng.

+ Lần 2: tháng 02/2023, anh L vay của Đ số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, hàng tháng anh L đóng cho Đ số tiền lãi 1.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh L đã trả cho Đ 12 tháng là 21.600.000 đồng (đã trả tiền gốc). Tổng số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định là 4.000.000 đồng. Số tiền lãi Đ thu lợi bất chính là 17.600.000 đồng.

+ Lần 3: ngày 19/10/2023, anh L vay của Đ số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn 04 tháng, hàng tháng anh L đóng cho Đ số tiền lãi là 2.700.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh L đã trả cho Đ 04 tháng là 10.800.000 đồng (đã trả tiền gốc). Tổng số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định là 1.000.000 đồng. Số tiền lãi Đ thu lợi bất chính là 9.800.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của anh L trong 03 khoản cho vay trên là 72.900.000 đồng, trong đó lãi suất Đ được phép thu theo quy định là 12.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 60.400.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền Đ thu lợi bất chính của chị Tr và anh L là: 43.400.000 đồng + 60.400.000 đồng = 103.800.000 đồng.

Do làm ăn thua lỗ, chị Tr chưa trả được tiền gốc, nên Đ đã nhiều lần gọi điện, đến nhà chị Tr chửi bới đòi tiền chị Tr, lo sợ bị Đ trả thù chị Tr đã đến Công an trình báo. Ngày 17/7/2024 Cơ quan điều tra tiến hành bắt, giữ khẩn cấp đối với Trần Công Đ. Quá trình điều tra bị can Trần Công Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngày 02/9/2024, bị can Đ đã tác động gia đình nộp số tiền 70.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tại Bản cáo trạng số: 2207/CT – VKSUB, ngày 15/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, truy tố bị cáo Trần Công Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ vào nhân thân người phạm tội với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Công Đ mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Thời hạn tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam 02 tháng 24 ngày.

1. Đối với khoản vay của chị Ngô Thị Quỳnh Tr:

- Đối với số tiền gốc bị cáo cho chị Tr vay 50.000.000đ (*Năm mươi triệu*) đồng chưa trả, cần buộc chị Tr nộp lại sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính (vượt quá 20%/ năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), bị cáo đã thu của chị Tr 50.400.000đ (*Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn*) đồng, cần buộc bị cáo trả lại cho chị Tr.

+ Đối với số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu*) đồng là tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự liên quan đến tội phạm nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

2. Đối với khoản vay của anh Đỗ Văn L:

- Đối với số tiền gốc bị cáo cho anh L vay 80 triệu đồng, anh L đã trả lại bị cáo, cần buộc bị cáo nộp lại sung ngân sách Nhà nước

- Đối với số tiền thu lời bất chính (vượt quá 20%/ năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), bị cáo đã thu của anh L 60.400.000đ (*Sáu mươi triệu, bốn trăm nghìn*) đồng, cần buộc bị cáo trả lại cho anh L.

+ Đối với số tiền 12.500.000đ (*Mười hai triệu*) đồng là tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự liên quan đến tội phạm nên cần buộc bị cáo nộp lại sung ngân sách Nhà nước.

Tổng số tiền bị cáo Đ phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước và trả lại cho chị Tr và anh L là số tiền lãi 123.300.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu, ba trăm nghìn*) đồng + 80.000.000đ (*Tám mươi triệu*) đồng (khoản tiền cho anh L vay) = 203.300.000đ (*Hai trăm linh ba triệu, ba trăm nghìn*) đồng, được trừ đi số tiền đã nộp 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu*) đồng. Buộc bị cáo phải nộp thêm 133.300.000đ (*Một trăm ba mươi ba triệu, ba trăm nghìn*) đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* trong quá trình điều tra Công an, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra trước khi mở phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhiều lần không có yêu cầu và đề nghị gì, xét thấy sự vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh của bị cáo:* quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa bị cáo Trần Công Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2024, tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Trần Công Đ có hành vi cho chị Ngô Thị Quỳnh Tr và anh Đỗ Văn L vay lãi nặng, với tổng số tiền là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu*) đồng, với lãi suất từ 3.000đ (*Ba nghìn*) đồng đến 4.000đ (*Bốn nghìn*)/01 triệu đồng/01 ngày (tương đương với lãi suất 109,5% và 146%/năm). Tổng số tiền lãi Đ thu được là 123.300.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu, ba trăm nghìn* đồng), trong đó thu lợi bất chính là 103.800.000đ (*Một trăm linh ba triệu, tám trăm nghìn*) đồng.

Do đó có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Công Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội đúng pháp luật, không oan..

[3] *Về hình phạt:*

[3.1] *Hình phạt chính:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và khả năng nhận thức hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

- *Về nhân thân:* Bị cáo là người có tiền sự nên không được coi là có nhân thân tốt.

- *Về tình tiết tăng nặng:* bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội hai lần trở lên, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Hội đồng xét xử thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án. Nhưng dù có giảm nhẹ đến đâu đi chăng nữa, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Trần Công Đ từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đối với bị cáo mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm việc công việc nhất định, Hội đồng xét xử thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập và tài sản riêng, không có chức vụ gì trong cơ quan, tổ chức, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Đối với khoản vay của chị Ngô Thị Quỳnh Tr:*

- Đối với số tiền gốc bị cáo cho chị Tr vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu) đồng chị Tr chưa trả cho bị cáo, cần buộc chị Tr phải nộp lại số tiền nêu trên để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính (vượt quá 20%/ năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật hình sự, bị cáo đã thu của chị Tr 50.400.000đ (Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn) đồng, cần buộc bị cáo trả lại cho chị Tr.

- Đối với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) là tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự liên quan đến tội phạm nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] *Đối với khoản vay của anh Đỗ Văn L:*

- Đối với số tiền gốc bị cáo cho anh L vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu) đồng, anh L đã trả lại bị cáo vay, anh L đã trả cho bị cáo, cần buộc bị cáo nộp lại sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính (vượt quá 20%/ năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự), bị cáo đã thu của anh L 60.400.000đ (Sáu mươi triệu, bốn trăm nghìn) đồng, cần buộc bị cáo trả lại cho anh L.

+ Đối với số tiền 12.500.000đ (Mười hai triệu, năm trăm nghìn) đồng là tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự liên quan đến tội phạm nên cần buộc bị cáo nộp lại sung ngân sách Nhà nước.

Tổng số tiền bị cáo Đ phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước gồm: tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) đối với chị Tr, cộng với 12.500.000đ (Mười hai triệu, năm trăm nghìn) đối với số tiền của anh L cộng với 80.000.000đ (Tám mươi triệu) đồng là số tiền gốc anh L đã trả cho bị cáo. Nhưng được trừ đi số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu) đồng bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra. Bị cáo còn phải nộp 29.500.000đ.

Buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định tổng số tiền 110.800.000đ gồm của chị Tr 50.400.000đ (*Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn*) đồng, anh L 60.400.000đ (*Sáu mươi triệu, bốn trăm nghìn*) đồng.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: gồm các tài liệu sao kê về việc vay và trả tiền theo thời gian là những tài liệu gắn liền với hồ sơ vụ án đang lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] *Về án phí*: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 201, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Công Đ phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt: bị cáo Trần Công Đ 06 (Sáu) tháng tù, nhưng được trừ đi 02 tháng 21 ngày (vì bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2024 đến ngày 08/10/2024). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 03 (Ba) tháng 09 (Chín) ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự: Điều 468 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Công Đ phải nộp lại số tiền gốc cho vay là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu*) đồng, nộp lại số tiền lãi theo quy định là 19.500.000đ. Tổng số tiền là 99.500.000đ. Nhưng được trừ đi 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu*) đồng bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra, bị cáo còn phải nộp 29.500.000đ, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Công Đ phải trả lại cho chị Ngô Thị Quỳnh Tr số tiền lãi vượt quá quy định trên 20% với tổng số tiền 50.400.000đ (*Năm mươi triệu, bốn trăm nghìn*) đồng.

Buộc bị cáo Trần Công Đ phải trả lại cho anh Đỗ Văn L số tiền lãi vượt quá quy định trên 20% với tổng số tiền 60.400.000đ (*Sáu mươi triệu, bốn trăm nghìn*) đồng.

Buộc chị Ngô Thị Quỳnh Tr phải nộp lại số tiền gốc mà bị cáo Trần Công Đ cho vay là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu*) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả, thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm

trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự: Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Công Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh.
- Viện KS ND tỉnh Quảng Ninh.
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Viện KSND TP Uông Bí.
- Cơ quan CSĐT CA TP Uông Bí .
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- Bị cáo trong vụ án.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ.
- Cơ quan THAHS CA TP Uông Bí.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bắc

